TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG**	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2026/HNGĐ-ST
Ngày 24-3-2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG

- Thành phần *Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên *toà: Ông Đỗ Văn* Dũng

Các Hội thẩm nhân *dân:*

1. Ông Phạm Văn Dung

2. Bà Bùi Thị Nhàn

- Thư ký phiên toà: ***Bà Lê Anh Thư - Thư*** ký Toà án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện **Kiểm** ***sát nhân khu vực 2 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Tuân*** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2026 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2026/QĐXX-ST ngày 27/02/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2026/QĐST-HNGĐ ngày 16/3/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh H sinh năm 1996; số CCCD: 031196010143; địa chỉ: Tổ dân phố V, phường A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xột xử vắng mặt);

Bị đơn: Anh Nguyễn Thành *H1* sinh năm 1995; số CCCD: 031095012554; địa chỉ: Tổ dân phố V, phường A, thành phố Hải Phũng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong Đơn khởi kiện ngày 25 tháng 12 năm 2025 **và** trong quá *trình tố tụng, nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh H trình bày:*

Về quan hệ hụn nhõn: *Vợ chồng xây dựng* hạnh *phúc với nhau* trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phũng năm 2019. Quá trỡnh chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau nên cuộc sống không có hạnh phúc; đã sống ly thân từ năm 2024. Nay thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng nên đề nghị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Ngọc Gia H2 sinh ngày 30/12/2019 do chị H đang nuôi. Khi ly hôn chị H nhận trỏch nhiệm trực tiếp nuôi con; không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuụi con.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Thành H1 đó được triệu tập hợp lệ nhưng không *đến Tòa án trình* bày quan điểm *của mình.*

Kiểm *sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án* cho *đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn đã* chấp hành đúng quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thanh H và Nguyễn Thành H1; về con chung, giao con Nguyễn Ngọc Gia H2 cho chị H nuôi; nguyên đơn phải chịu ỏn phớ ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào cỏc tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng **tại phiên** tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: Theo điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì nơi bị đơn cư trú thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 238 của BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị H và anh H1 được UBND xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 04 ngày 31/01/2019 nên hợp pháp. Vợ chồng chung sống đến 2024 thì phát sinh mõu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp và ly thân nhau. Xét mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, thỏa mãn những căn cứ cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

[4] Về con chung: Chị H, anh H1 có con như chị H trình bày ở trên là đỳng. Xột thực tế con Nguyễn Ngọc Gia H2 sinh ngày 30/12/2019 đang do chị H nuôi. Để tránh việc xáo trộn làm ảnh hưởng đến cuộc sống của con cần giao con cho chị H tiếp tục nuôi là phù hợp quy định pháp luật và bảo đảm được quyền lợi về mọi mặt của con.

[5] Về tài sản chung: Khụng bên nào yêu cầu giải quyết nên không xét.

[6] Về án phí: Chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147 và khoản 1 Điều 227, các điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân ***sự;*** *Điều 51, khoản 1* **Điều 56,** các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thanh H và Nguyễn Thành H1.

Về con chung: Giao con Nguyễn Ngọc Gia H2 sinh ngày 30/12/2019 cho chị Nguyễn Thị Thanh H trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hụn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không bên nào yêu cầu nên không xét.

Về tài sản chung: Không bên nào yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh H phải nộp 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 180 ngày 08/01/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phũng. Chị H đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản ỏn hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 2 - Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND xã Cấp Tiến, TP Hải Phòng (ĐKKH số 04/2019;
- Đương sự;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Văn Dũng